

Số: 26/2023/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX
KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ Về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc xây dựng công an xã, thị trấn chính quy;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Xét Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 219/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp, hỗ trợ theo nhóm nhiệm vụ; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã.
2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.
4. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.
5. Các chức danh khác (theo văn bản chuyên ngành) bao gồm: Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã; Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế ở tổ dân phố.
6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Chức danh và mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh) theo phân loại đơn vị hành chính và theo khoảng cách từ trung tâm huyện, thành phố đến trung tâm xã, phường, thị trấn thực hiện theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Ngoài mức phụ cấp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (không bao gồm người đang hưởng lương, hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động), hàng tháng được hưởng thêm hệ số phụ cấp theo trình độ đào tạo (không dùng hệ số phụ cấp theo trình độ đào tạo để tính đối với các chức danh kiêm nhiệm) như sau:

- a) Trình độ đại học trở lên: Hệ số 0,2 lần mức lương cơ sở.
- b) Trình độ cao đẳng: Hệ số 0,15 lần mức lương cơ sở.
- c) Trình độ trung cấp: Hệ số 0,1 lần mức lương cơ sở.

5. Mức phụ cấp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 4. Việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hoặc kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của một chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; người kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 5. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp hàng tháng theo nhóm nhiệm vụ các chức danh khác (theo văn bản chuyên ngành)

1. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã bằng 0,25 lần mức lương cơ sở.

2. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

a) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố gồm: Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Bí thư Chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

b) Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố bằng 0,25 lần mức lương cơ sở.

3. Mức phụ cấp hàng tháng theo nhóm nhiệm vụ các chức danh khác (theo văn bản chuyên ngành)

a) Mức phụ cấp đối với chức danh Công an viên (ở thôn thuộc xã, tổ dân phố thuộc thị trấn), Bảo vệ dân phố như sau:

Ở đơn vị hành chính cấp xã loại I bằng 0,65 lần mức lương cơ sở.

Ở đơn vị hành chính cấp xã loại II bằng 0,62 lần mức lương cơ sở.

Ở đơn vị hành chính cấp xã loại III bằng 0,60 lần mức lương cơ sở.

b) Mức phụ cấp đối với Nhân viên y tế ở tổ dân phố bằng 0,2 lần mức lương cơ sở; Nhân viên y tế thôn thực hiện theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

Điều 6. Mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 6.600.000 đồng/năm.

2. Mức khoán kinh phí hoạt động ở thôn, tổ dân phố còn lại là 6.000.000 đồng/năm.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và

các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố, mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và “Điều 21 khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố” Quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Lg).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

PHỤ LỤC 01

**Chức danh và mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)		
		Đơn vị hành chính cấp xã loại I	Đơn vị hành chính cấp xã loại II	Đơn vị hành chính cấp xã loại III
1	Văn phòng Đảng ủy	1,6	1,49	1,42
2	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã	1,52	1,41	1,34
3	Nhân viên khuyến nông, lâm, ngư nghiệp			
4	Phụ trách Đài truyền thanh và văn hóa, thể dục, thể thao			
5	Nhân viên thú y	1,23	1,13	1,07
6	Chủ tịch Hội Người cao tuổi			
7	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ			
8	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1,09	1,00	0,94
9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh			
10	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ			
11	Phó Chủ tịch Hội Nông dân			
12	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh			
13	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy			

PHỤ LỤC 02

Mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

(Kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã:

TT	Phân loại thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)		
		Bí thư Chi bộ	Trưởng thôn; Tổ trưởng tổ dân phố	Trưởng Ban công tác mặt trận
1	Loại 1	1,52	1,52	1,3
2	Loại 2	1,41	1,41	1,2
3	Loại 3	1,34	1,34	1,1

2. Thôn, tổ dân phố còn lại:

TT	Phân loại thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)		
		Bí thư Chi bộ	Trưởng thôn; Tổ trưởng Tổ dân phố	Trưởng Ban công tác mặt trận
1	Loại 1	1,39	1,39	1,0
2	Loại 2	1,34	1,34	0,9
3	Loại 3	1,32	1,32	0,8

PHỤ LỤC 03

Mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

(Kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh) theo phân loại đơn vị hành chính và theo khoảng cách từ trung tâm huyện, thành phố đến trung tâm xã, phường, thị trấn như sau:

TT	Nội dung	Mức khoán kinh phí/năm/tổ chức (đơn vị tính: đồng)		
		Đơn vị hành chính cấp xã loại I	Đơn vị hành chính cấp xã loại II	Đơn vị hành chính cấp xã loại III
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã cách trung tâm huyện, thành phố dưới 15 km			
1.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	7.200.000	6.700.000	6.200.000
1.2	Các tổ chức chính trị - xã hội	7.000.000	6.500.000	6.000.000
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã cách trung tâm huyện, thành phố từ 15 km đến dưới 30 km			
2.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	8.400.000	7.800.000	7.200.000
2.2	Các tổ chức chính trị - xã hội	8.200.000	7.600.000	7.000.000
3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã cách trung tâm huyện, thành phố từ 30 km trở lên			
3.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	9.600.000	8.900.000	8.200.000
3.2	Các tổ chức chính trị - xã hội	9.400.000	8.700.000	8.000.000